

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 20/2019/HSST
Ngày: 02/4/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Hoạt.
2. Bà Nông Thị Thùy Trang.

Những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa:

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân – Cán bộ
Toà án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Phạm
Công Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 02/4/2019, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân Huyện H xét xử sơ thẩm
vụ án hình sự thụ lý số: 15/2019/HSST, ngày 14 tháng 3 năm 2019, đối với các bị
cáo:

1. Họ tên: Phạm Thị L; Sinh năm: 1959, tại tỉnh Bình Định; Nơi đăng ký
HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp:
Làm Nông; Trình độ học vấn: 3/12; Cha: Phạm Ph (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị H,
sinh năm 1937; Chồng: Đặng Văn P; Bị cáo có 05 người con, con lớn sinh năm
1980, con nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền sự: Không; Tiền án: 02; Ngày 14/9/2015,
bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đắk Lắk xét xử về tội đánh bạc, mức hình phạt
09 tháng cải tạo không giam giữ. Ngày 28/7/2016, chấp hành xong hình phạt;
Ngày 13/7/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử về tội đánh bạc, mức
hình phạt 01 năm tù. Ngày 04/5/2018, chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án
tích; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/12/2018, chuyển sang tạm giam ngày
14/12/2018. Đến ngày 17/01/2019 được Viện kiểm sát nhân dân huyện H thay thế
biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: Triệu Quý L; Tên gọi khác: H M; Sinh năm: 1972, tại tỉnh
Quảng Ninh; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Buôn E, xã T, huyện C, tỉnh
Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Làm Nông; Trình độ học vấn: Không đi
học; Cha: Triệu Tắc H, sinh năm 1940; Mẹ: Đặng Thị B, sinh năm 1944; Vợ: Chiu
Thị X; Bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006;
Tiền sự: Không; Tiền án: 01; Ngày 03/11/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk
xét xử về tội tổ chức đánh bạc, mức hình phạt 01 năm tù. Ngày 21/4/2018, chấp
hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày

28/12/2018, chuyển sang tạm giam ngày 03/01/2019. Đến ngày 17/01/2019 được Viện kiểm sát nhân dân huyện H thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ tên: Phạm Quang S; Sinh năm: 1976, tại tỉnh Bình Định; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm Nông; Trình độ học vấn: 4/12; Cha: Phạm Ph (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1937; Vợ: Ngô Thị Xuân H; Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/12/2018. Đến ngày 14/12/2018 được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H áp dụng biện pháp cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ tên: Trần Văn H; Sinh năm: 1959, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm Nông; Trình độ học vấn: 10/10; Cha: Trần Anh T, sinh năm 1940; Mẹ: Lê Thị G, sinh năm 1937; Vợ: Nguyễn Thị Th; Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/12/2018. Đến ngày 14/12/2018 được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H áp dụng biện pháp cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ tên: Trương Văn Tr; Sinh năm: 1972, tại tỉnh Bình Định; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm Nông; Trình độ học vấn: 9/12; Cha: Trương Đình N (đã chết); Mẹ: Phạm Thị S, sinh năm 1936; Vợ: Đỗ Thị N, Bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/12/2018. Bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Họ tên: Đặng Thị Tuyết N; Sinh năm: 1984, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm Nông; Trình độ học vấn: 5/12; Cha: Đặng Văn P, sinh năm 1952; Mẹ: Phạm Thị L, sinh năm 1952; Chồng: Nguyễn Văn C; Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/12/2018. Đến ngày 14/12/2018 được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H áp dụng biện pháp cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Văn Th, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

2. Trầg Văn C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

3. Trần Thanh H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

4. Lê Văn D, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

5. Đào Quang V, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

6. Hoàng Thị L, sinh năm 1960, Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

Người làm chứng:

1. Nông Văn Q, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

2. Trịnh Văn H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 08/12/2018, Phạm Quang S rủ Trương Văn Tr, Phạm Thị L, rồi gọi điện thoại cho Trần Văn H và Đặng Thị Tuyết N đi đánh xóc đĩa được thua bằng tiền tại rẫy cao su của ông Phan Văn M ở Thôn A, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk thì tất cả đồng ý. Lúc này, Trần Văn H rủ Triệu Quý L và Nông Văn Q đi cùng thì cả hai đồng ý. Sau đó, S cắt quân bài tứ lơ khơ chất chuẩn thành 04 quân vị hình tròn đường kính 02cm rồi điều khiển xe mô tô biển số 72H2 – 1825 chở Tr ngồi sau, khi đi ngang qua nhà rẫy của Tr thì S và Tr vào lấy 01 cái chén, 01 cái đĩa bằng sứ và 01 tấm bạt màu xanh rồi đi đến chỗ hẹn, L điều khiển xe mô tô biển số 47D1 – 276.55 chở H và Q, Phạm Thị L điều khiển xe mô tô biển số 47D1 – 257.99 và Đặng Thị Tuyết N điều khiển xe mô tô biển số 47D1 – 236.09 đến. Tại đây, S trải bạt ra rồi L cầm cái xóc đĩa cho S, H, T, L và N đặt tiền vào 02 cửa chắn lẻ để đánh bạc được thua bằng tiền. Khi tham gia đánh bạc thì, H bỏ ra 2.000.000 đồng, S bỏ ra 1.650.000 đồng, T bỏ ra 1.200.000 đồng, L bỏ ra 1.400.000 đồng, N bỏ ra 800.000 đồng, L bỏ ra số tiền 650.000 đồng, Q thì ngồi xem không tham gia đánh bạc. Trước khi đánh bạc tất cả thống nhất hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền như sau: L là người xóc cái, dùng một cái đĩa bằng sứ đặt bốn quân vị hình tròn, mỗi quân vị đường kính 02 cm lên mặt đĩa rồi úp một cái chén lên và xóc để cho quân vị trong chén xáo trộn, rồi L đặt chén và đĩa xuống chiếu bạc để S, H, T, L và N đặt tiền vào hai cửa “chẵn, lẻ” và cùng thống nhất bên tay phải của L là “chẵn”, bên tay trái là “lẻ”. Sau khi S, H, T, L và N đã đặt tiền xong vào hai bên chắn lẻ thì L đỡ chén (nếu L không đỡ chén thì có thể nhường cái cho những người chơi khác đỡ chén gọi là bán cái) nếu quân vị sắp thành “chẵn” thì người đặt bên “chẵn” sẽ thắng gấp đôi số tiền mà mình đã đặt xuống chiếu bạc và ngược lại. “Chẵn” là bốn quân vị cùng nằm sấp hoặc bốn quân vị cùng nằm ngửa hoặc hai quân vị nằm sấp và hai quân vị nằm ngửa; còn “lẻ” là ba quân vị nằm sấp và một quân vị nằm ngửa hoặc ba quân vị nằm ngửa và một quân vị nằm sấp. Những người chơi nêu trên thống nhất đặt nhỏ nhất là 50.000 đồng còn lớn nhất thì không giới hạn tiền đánh của mỗi người chơi. Sau khi cân đối số tiền của hai bên “chẵn, lẻ” Liệu có thể ăn số tiền thừa ra của người chơi hoặc phải chung số tiền nếu người chơi thắng. Sau khi chung tiền xong L lại tiếp tục xóc ván tiếp theo cho những người chơi tiếp tục đặt. Trong lúc những người trên đang Đánh bạc thì Lê Văn D điều khiển xe mô tô biển số 47S1 – 067.63 đi rẫy ngang qua nhìn thấy thì ghé vào đứng xem. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi tất cả đang sát phạt thắng thua thì bị Công an huyện Ea H’Leo phát hiện bắt quả tang Phạm Quang S, Trần Văn H, Trương Văn T,

Phạm Thị L và Đặng Thị Tuyết N còn Triệu Quý L cầm theo một số tiền bỏ chạy sau đó bị rơi không thu giữ được, Nông Văn Q, Lê Văn D thấy vậy bỏ chạy thoát. Thu giữ tại chiều bạc số tiền mà các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 7.150.000 đồng, 04 quân vị hình tròn, 01 cái chén nhựa, 01 cái đĩa sứ và 01 chiếc bát, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vertu (Trung Quốc) màu vàng của H, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia của S, tạm giữ 05 xe mô tô biển số 72H2 – 1825, 47D1 – 276.55, 47D1 – 257.99, 47D1 – 236.09, 47S1 – 067.63. Đến ngày 28/12/2018, Triệu Quý L đến Công an huyện H đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo xác định chiếc xe mô tô biển kiểm số 72H2 – 1825 là của Lê Văn T, việc S mượn xe mô tô để đi đánh bạc T không biết, vì vậy đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông T là chủ sở hữu.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47D1 – 276.55 là của Đào Quang V, việc H mượn xe mô tô để đi đánh bạc V không biết, vì vậy đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh V là chủ sở hữu.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47D1 – 257.99 là của Hoàng Thị L, việc L mượn xe mô tô để đi đánh bạc L không biết, vì vậy đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bà L là chủ sở hữu.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47D1 – 236.09 là của Trần Thanh H, việc N mượn xe mô tô để đi đánh bạc H không biết, vì vậy đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông H là chủ sở hữu.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47S1 – 067.63 tại hiện trường là của Lê Văn D, D chỉ đứng xem, không tham gia đánh bạc nên không có căn cứ xử lý, vì vậy đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông D là chủ sở hữu.

Quá trình điều tra xác định 01 chiếc điện thoại di động của S gắn sim số 0987479434 và 0978364239 trong đó số 0987479434 dùng để liên lạc với H và N vào việc đánh bạc; 01 chiếc điện thoại di động của H gắn sim số 0963544347 để liên lạc với S vào việc đánh bạc; đối với 01 chiếc điện thoại di động của N gắn sim số 0971627982 dùng để liên lạc với S vào việc đánh bạc khi bị bắt quả tang N làm rơi, không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với số tiền 7.150.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc; 01 điện thoại di động của S, 01 điện thoại di động của H sử dụng vào việc liên lạc để đánh bạc cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; tịch thu tiêu hủy 04 quân vị hình tròn, 01 cái chén nhựa, 01 cái đĩa sứ, 01 chiếc bát, 02 sim số điện thoại 0987479434, 0963544347, trả lại cho Phạm Quang S 01 sim số điện thoại 0978364239.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS, ngày 12/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Phạm Quang S, Trần Văn H, Trương Văn T, Đặng Thị Tuyết N, Triệu Quý L về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Truy tố Phạm Thị L về tội "Đánh bạc" theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên nội dung bản cáo trạng, tại phần luận tội Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuyên

xử: Bị cáo Phạm Thị L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; đối với bị cáo Triệu Quý L, đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, tuyên xử bị cáo Triệu Quý L từ 06 đến 09 tháng tù; áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, tuyên xử bị cáo Phạm Quang S từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 36 Bộ luật hình sự, tuyên xử các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T, Đặng Thị Tuyết N mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng của vụ án.

Tại phiên tòa các bị cáo không tranh luận gì với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên mà chỉ xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

Sau khi xem xét, kiểm tra các tài liệu, chứng cứ và kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu giữ được có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo Phạm Thị L, Triệu Quý L, Phạm Quang S, Trần Văn H, Trương Văn T, Đặng Thị Tuyết N đã tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 7.150.000 đồng. Do vậy, HĐXX xét thấy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã phạm tội Đánh bạc. Trong đó, bị cáo Phạm Thị L đã có hai tiền án, tái phạm chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội nên Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm, bị cáo Triệu Quý L đã có tiền án, chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội nên Cáo trạng truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng là tái phạm, các bị cáo Phạm Quang S, Trần Văn H, Trương Văn T, Đặng Thị Tuyết N bị truy tố theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Tại khoản 1 Điều 321 và điểm d khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị

phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

d) Tái phạm nguy hiểm.

Xét hành vi của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo là người có đủ nhận thức và biết rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, thế nhưng do ý thức coi thường pháp luật, nên các bị cáo vẫn có ý thực hiện. Vì vậy cần buộc các bị cáo chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội do mỗi bị cáo gây ra.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia với vai trò của mỗi bị cáo khác nhau nên cũng cần phân hóa hành vi của các bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng.

Đối với bị cáo Phạm Thị L đã có hai tiền án về tội đánh bạc đã tái phạm, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập cải tạo thành công dân biết tôn trọng pháp luật.

Đối với bị cáo Triệu Quý L đã có tiền án về tội tổ chức đánh bạc, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập cải tạo thành công dân biết tôn trọng pháp luật.

Đối với bị cáo Phạm Quang S là người tham gia tích cực, là người rủ rê các bị cáo khác tham gia hành vi phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác.

Đối với các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T, Đặng Thị Tuyết N tham gia với vai trò thứ yếu hơn trong vụ án nên áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn.

Khi quyết định mức hình phạt cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; đối với các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T, Đặng Thị Tuyết N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, bị cáo Trương Văn T đang bị ung thư gan giai đoạn cuối, bị cáo Triệu Quý L đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy không cần cách ly các bị cáo Trần Văn H, Trương Văn T, Đặng Thị Tuyết N và Phạm Quang S ra khỏi đời sống xã hội mà để các bị cáo tự cải tạo với sự giám sát của gia đình và xã hội là đủ.

Đối với Nông Văn Q và Lê Văn D không tham gia vào hành vi đánh bạc nên không xử lý.

Xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện H đã trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 72H2-1825 cho anh Lê Văn T; trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47D1-276.55 cho anh Đào Quang V; trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47D1-257.99 cho chị Hoàng Thị L; trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47D1-

236.09 cho anh Trần Thanh H là các chủ sở hữu. Các bị cáo mượn các phương tiện nói trên để đi đến nơi đánh bạc nhưng các chủ sở hữu không biết các bị cáo mượn các phương tiện nói trên để thực hiện hành vi phạm tội nên việc trả lại các phương tiện nói trên cho các chủ sở hữu là có căn cứ.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47S1-067.63 là của anh Lê Văn D nhưng anh D không thực hiện hành vi phạm tội nên cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện H đã trả chiếc xe mô tô này cho anh Lê Văn D.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 7.150.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu VERTU màu vàng, có sim số 0967077454 và 01 điện thoại di động NOKIA màu đen có sim 0917003003, đây là công cụ các bị cáo sử dụng để liên lạc nhằm thực hiện hành vi đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy 04 quân vị hình tròn, 01 cái chén nhựa, 01 cái đĩa sứ, 01 chiếc bát, 02 sim số điện thoại 0987479434, 0963544347, trả lại cho Phạm Quang S 01 sim số điện thoại 0978364239.

Về án phí: các bị cáo Phạm Thị L, Triệu Quý L, Phạm Quang S, Trần Văn H, Trương Văn T, Đặng Thị Tuyết N phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị L, Triệu Quý L, Phạm Quang S, Trần Văn H, Trương Văn T, Đặng Thị Tuyết N phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên xử: Bị cáo Phạm Thị L 03 (ba) năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến ngày 17/01/2019.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Tuyên xử: Bị cáo Triệu Quý L 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2018 đến ngày 17/01/2019.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Tuyên xử: Bị cáo Phạm Quang S 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án (02/4/2019).

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Phạm Quang S cho Ủy ban nhân dân xã C nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Phạm Quang S có nghĩa vụ phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ

02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Tuyên xử: Bị cáo Trương Văn T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Tuyên xử: Bị cáo Trần Văn H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Tuyên xử: Bị cáo Đặng Thị Tuyết N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo Trần Văn H và Đặng Thị Tuyết N đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2018, đến ngày 14/12/2018 là 06 ngày nên thời gian bị tạm giữ, tạm giam được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt. 01 ngày bị tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Các bị cáo Trần Văn H và Đặng Thị Tuyết N phải chấp hành hình phạt còn lại là 08 tháng 12 ngày.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Đặng Thị Tuyết N và Trương Văn T tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C nơi cư trú của các bị cáo được giao giám sát, giáo dục; đối với bị cáo Trần Văn H tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án. Gia đình các bị cáo Đặng Thị Tuyết N, Trương Văn V; có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C; gia đình bị cáo Trần Văn H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã E để giám sát giáo dục bị cáo. Do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện H đã trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 72H2-1825 cho anh Lê Văn T; trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47D1-276.55 cho anh Đào Quang V; trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47D1-257.99 cho chị Hoàng Thị L; trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47D1-236.09 cho anh Trần Thanh H và trả lại xe mô tô biển kiểm soát 47S1-067.63 cho anh Lê Văn D là các chủ sở hữu.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 7.150.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc; 01 điện thoại di động hiệu VERTU màu vàng có sim số 0967077454 và 01 điện thoại di động NOKIA màu đen có sim 0917003003, đây là công cụ các bị cáo sử dụng để liên lạc nhằm thực hiện hành vi đánh bạc. Tịch thu

tiêu hủy 04 quân vị hình tròn, 01 cái chén nhựa, 01 cái đĩa sứ, 01 chiếc bát, 02 sim số điện thoại 0987479434, 0963544347, trả lại cho Phạm Quang S 01 sim số điện thoại 0978364239.

Về án phí: các bị cáo Phạm Thị L, Triệu Quý L, Phạm Quang S, Trần Văn H, Trương Văn T, Đặng Thị Tuyết N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Thị L, Triệu Quý L, Phạm Quang S, Trần Văn H, Đặng Thị Tuyết N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo Trương Văn T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện H.
- Chi cục THADS huyện H.
- Công an huyện H.
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện H
- Bị cáo-đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Long